

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN HÀM YÊN  
TỈNH TUYÊN QUANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **164/2019/HNGĐ-ST**

Ngày 19/8/2019

V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀM YÊN, TỈNH TUYÊN QUANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Mạc Văn Tuyền.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông: Lê Quang Luân - Cán bộ hưu trí.

2. Bà: Phan Thị Bích - Cán bộ hưu trí.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thị Hồng Hạnh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Hàm Yên.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa:** Bà Vũ Phương Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 19/8/2019 tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 102/2019/TLST-HNGĐ, ngày 26 tháng 4 năm 2019 về việc “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2019/QĐXXST-HNGĐ, ngày 15 tháng 7 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2019/QĐST- HNGĐ ngày 01 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1989;

- *Bị đơn:* Anh Nông Hồng V, sinh năm 1989;

Cùng địa chỉ: Thôn C, xã X, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang.

(*Chị Lý có đơn xin xét xử vắng mặt, anh Vững vắng mặt không có lý do*).

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

**\* Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị Lý trình bày:**

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị và anh Nông Hồng V kết hôn với nhau từ năm 2011, có đăng ký kết hôn ngày 21/10/2011 tại UBND xã X, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang, trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập quán địa phương. Cuộc sống chung vợ chồng ban đầu hạnh phúc, nhưng đến năm 2016 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Khi mâu thuẫn xảy ra vợ chồng đã sống ly thân nhau từ tháng 12 năm 2018 đến nay, trong thời gian sống ly thân vợ chồng không quan tâm gì đến nhau. Nay chị xác định không còn tình cảm vợ

chồng với anh V, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nông Hồng V.

- *Về con chung*: Chị và anh V không có con chung, không yêu cầu giải quyết.
- *Về tài sản chung*: Chị L xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.
- *Về vay nợ chung*: Chị L xác định không có, không yêu cầu giải quyết.

\* *Bị đơn anh Nông Hồng V vắng mặt, nhưng tại bản tự khai anh V trình bày:*

Anh và chị Nguyễn Thị L kết hôn với nhau từ năm 2011, có đăng ký kết hôn ngày 21/10/2011 tại UBND xã X, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang. Trước khi kết hôn được tự do tìm hiểu, không bị lừa dối, cưỡng ép và tự nguyện đi đến hôn nhân. Cuộc sống chung vợ chồng ban đầu hạnh phúc, đến tháng 12 năm 2018 thì vợ chồng sống ly thân nhau, nguyên nhân do anh đi ngoại tình với người phụ nữ khác. Nay chị L xin ly hôn với anh, anh xác định vẫn còn tình cảm với chị L và mong muốn chị L quay về đoàn tụ gia đình, nên không nhất trí với yêu cầu xin ly hôn của chị L.

- *Về con chung*: Anh và chị L không có con chung, nên không yêu cầu giải quyết.
- *Về tài sản chung*: Anh V xác định gồm 01 nhà, trường hợp ly hôn anh nhất trí để chị Lý sử dụng.

- *Về vay nợ chung*: Anh V xác định không có, không yêu cầu giải quyết.

\* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

- *Về tố tụng*: Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án đều đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với nguyên đơn chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với bị đơn chưa chấp hành việc triệu tập của Tòa án.

- *Về nội dung*: Chị L và anh V kết hôn với nhau từ năm 2011 và có đăng ký kết hôn ngày 21/10/2011 tại UBND xã X, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang, trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Chị L và anh V sống ly thân nhau từ tháng 12 năm 2018 đến nay, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị L và anh V đã trầm trọng. Căn cứ vào các quy định của Luật hôn nhân và gia đình; Bộ luật tố tụng dân sự đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị L và xử cho chị Nguyễn Thị L được ly hôn với anh Nông Hồng V. Ngoài ra đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị Hội đồng xét xử buộc chị L phải chịu án phí và tuyên quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị L có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; bị đơn anh Nông Hồng V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2,

nhưng vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Nguyễn Thị L và anh Nông Hồng V kết hôn với nhau từ năm 2011 và có đăng ký kết hôn ngày 21/10/2011 tại UBND xã X, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang, trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc và được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán của địa phương. Như vậy hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị L và anh Nông Hồng V là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình giải quyết vụ án chị L xác định cuộc sống chung vợ chồng ban đầu hạnh phúc, nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Khi mâu thuẫn xảy ra vợ chồng không thể hòa hợp được, nên vợ chồng đã sống ly thân nhau từ tháng 12 năm 2018 đến nay, trong thời gian sống ly thân vợ chồng không quan tâm gì đến nhau.

Qua xác minh tại địa phương thể hiện chị Nguyễn Thị L và anh Nông Hồng V kết hôn với nhau từ năm 2011, cuộc sống chung vợ chồng giữa chị L và anh V bình thường, đến đầu năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn vợ chồng, nguyên nhân do anh V mãi chơi bời, không tu chí làm ăn, khi mâu thuẫn xảy ra chị L và anh V đã sống ly thân với nhau từ cuối năm 2018 đến nay. Hội đồng xét xử thấy rằng mặc dù anh V không nhất trí ly hôn và mong muốn vợ chồng về đoàn tụ, tuy nhiên mâu thuẫn vợ chồng giữa chị L và anh V đã trầm trọng, vợ chồng sống ly thân nhau đã lâu và trong thời gian sống ly thân vợ chồng không quan tâm gì đến nhau. Do đó giữa chị L và anh V không thể tồn tại được một gia đình ấm no, bình đẳng, hạnh phúc và tiến bộ. Vì vậy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị L với anh V là phù hợp với quy định tại Điều 56 - Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] *Về con chung*: Các đương sự cùng xác định không có, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] *Về tài sản chung*: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh V xác định trường hợp ly hôn anh nhất trí để chị L sử dụng, tuy nhiên Tòa án báo gọi nhiều lần nhưng anh V không về giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] *Về vay nợ chung*: Các đương sự cùng xác định không có, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] *Về án phí*: Chị Nguyễn Thị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Áp dụng các Điều 28; 147; 207; 227; 228; 235; 238; 266; 267; 271; 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 56 - Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

**\* Tuyên xử:**

- *Về quan hệ hôn nhân*: Xử cho chị Nguyễn Thị L được ly hôn với anh Nông Hồng V.

- *Về án phí*: Chị Nguyễn Thị L phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số 0002106, ngày 26/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y, chị L đã nộp đủ án phí.

Anh Nông Hồng V không phải chịu án phí.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày nhận được hay niêm yết bản án./.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Y;
- Chi cục T.H.A DS huyện Y;
- UBND xã X;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Mạc Văn Tuyến**

\





